ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 29 /BC-UBND	*Gia Lai, ngày 04 tháng 8 năm 2025*

BÁO CÁO
Về công tác chuẩn bị triển khai Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên Dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku *(sau đây viết tắt là Dự án)*.

2. Dự án nhóm: Dự án quan trọng quốc gia.

3. Quyết định chủ trương đầu tư: Quốc hội *(Nghị quyết số 219/2025/QH15)*.

4. Sơ bộ phạm vi, quy mô đầu tư

a) Phạm vi đầu tư

- Điểm đầu: Km0+000 tại QL.19B/Km39+200 thuộc phường An Nhơn Bắc.

- Điểm cuối: Km124+960 tại QL.14/Km1606+770 Đường Hồ Chí Minh thuộc phường Hội Phú.

- Tổng chiều dài dự án: khoảng 125 km (trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Bình Định (cũ) khoảng 40km, qua địa phận tỉnh Gia Lai (cũ) khoảng 85km). Đi qua 17 xã, phường của tỉnh Gia Lai mới (*phường An Nhơn, phường An Nhơn Bắc, xã Bình Hiệp, xã Bình An, xã Bình Phú, xã Bình Khê, xã Cửu An, xã Ya Hội, phường An Bình, xã Đak Pơ, xã Hra, xã Lơ Pang, xã Mang Yang, xã KDang, xã Đak Đoa, xã Ia Băng, phường Hội Phú).*

b) Quy mô đầu tư: Đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch được duyệt với quy mô 04 làn xe, như sau:

- Vận tốc thiết kế V_{tk} = 100 km/h.

- Bề rộng bền đường $B_{nền}$=24,75m. Trong đó, mặt đường xe chạy = (3,75m x 2 x 2 bên) = 15,0m; dải phân cách 0,75m; dải an toàn = 2 x 0,75m = 1,5m; làn dừng xe khẩn cấp = 2 x 3,0m = 6,0m; lề đất = 2 x 0,75m = 1,5m.

- Công trình hầm: Xây dựng 02 đơn nguyên ống hầm độc lập, chiều rộng mỗi ống hầm đảm bảo quy mô 02 làn xe, bề rộng mỗi ống hầm $B_{hầm}$ =10,55m.

- Công trình cầu: Bề rộng cầu phù hợp với bề rộng tuyến, $B_{cầu}$ =24,75m.

- Giao cắt: Xây dựng các nút giao liên thông, trực thông bảo đảm kết nối thuận lợi, khai thác an toàn.

- Hệ thống chiếu sáng: Xây dựng hệ thống chiếu sáng tại các nút giao, các công trình hầm, các công trình cầu lớn.

- Xây dựng công trình thuộc hệ thống giao thông thông minh, công trình kiểm soát tải trọng xe, trạm thu phí, trạm dừng.

c) Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất và phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, tái định cư

- Phạm vi GPMB: Thực hiện GPMB cho quy mô 04 làn xe hoàn thiện theo quy hoạch đã được phê duyệt và quy định hiện hành; cụ thể:

- Sơ bộ tổng nhu cầu sử dụng đất:

+ Tổng diện tích đất chiếm dụng sơ bộ khoảng 942,15ha, trong đó: đất trồng lúa khoảng 189,92ha; đất lâm nghiệp khoảng 257,35ha; đất khác khoảng 494,88ha. Dự kiến đất rừng chuyển sang mục đích khác khoảng 257,35ha (Trong đó, rừng đầu nguồn khoảng 94ha).

+ Diện tích đất rừng chiếm dụng *(rừng phòng hộ và rừng sản xuất)* cần chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 324,88ha.

- Sơ bộ chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Khoảng **4.715 tỷ đồng** (không bao gồm dự phòng). Trong đó, UBND tỉnh Gia Lai cam kết bố trí **1.250 tỷ đồng** từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Tổng mức đầu tư khoảng **43.734 tỷ đồng,** nguồn Ngân sách nhà nước bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Thực hiện công tác GPMB từ Quý III năm 2025 và hoàn thành công trình đưa vào vận hành, khai thác trong năm 2029.

7. Phương án phân chia các dự án thành phần: 03 dự án như sau:

- Dự án thành phần 01: Đoạn Km0+00-Km22+00 có chiều dài 22km, có TMĐT khoảng 6.989 tỷ đồng *(sau đây viết tắt là DATP 01).*

- Dự án thành phần 02: Đoạn Km22+00–Km90+00 có chiều dài 68Km, có TMĐT khoảng 27.576 tỷ đồng *(sau đây viết tắt là DATP 02).*

- Dự án thành phần 03: Đoạn Km90+00-Km125+00 có chiều dài 35km, có TMĐT khoảng 9.169 tỷ đồng *(sau đây viết tắt là DATP 03)*.

8. Các cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt:

Dự án được Quốc hội cho phép áp dụng 09 cơ chế chính sách đặc thù, đặc biệt để triển khai thực hiện.

(Chi tiết tại Phụ lục II).

9. Thời gian thực hiện dự án

Dự kiến kế hoạch triển khai tổng thể của Dự án theo các mốc thời gian của Chính phủ:

- Quốc hội thông qua Nghị quyết phê duyệt Chủ trương đầu tư: 27/6/2025;

- Chính phủ thông qua Nghị quyết triển khai Nghị quyết phê duyệt Chủ trương đầu tư: 10/8/2025;

- Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi: Quý 3 năm 2025;

- Lập thiết kế kỹ thuật, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp gói thầu xây dựng, phấn đấu khởi công Dự án vào cuối tháng 12 năm 2025.

- Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: từ Quý 3 năm 2025;

- Hoàn thành đưa vào khai thác: năm 2029.

II. TÌNH HÌNH CHUẨN BỊ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các văn bản pháp lý có liên quan

- Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 219/2025/QH15 về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án;

- Công văn số 4316/VPCP-CN ngày 16/5/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc giao cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư;

- Công văn số 611/TTg-CN ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư;

- Công văn số 6360/BXD-KHTC ngày 05/7/2025 của Bộ Xây dựng về thẩm quyền và trình tự, thủ tục giao cơ quan quản lý cơ quan chủ quản đối với các dự án đường bộ cao tốc;

- Thông báo số 354/TB-VPCP ngày 08/7/2025 về việc giao cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án.

- Tỉnh ủy Gia Lai ban hành Quyết định số 73-QĐ/TU ngày 21/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo các công trình trọng điểm Quốc gia, tỉnh Gia Lai.

- UBND tỉnh đã ban hành các Văn bản chỉ đạo các Sở, ngành triển khai các công tác chuẩn bị cho Dự án, đặc biệt là công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư[1].

2. Công tác chuẩn bị triển khai thực hiện

- Ngày 27/6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 219/2025/QH15 về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Văn bản số 6615/VPCP-CN ngày 16/7/2025 của Văn phòng Chính phủ và Văn bản số 7355/BXD ngày 25/7/2025 của Bộ Xây dựng; ngày 03/8/2025, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1353/UBND-XDCT báo cáo Bộ xây dựng về dự thảo Tờ trình và Nghị quyết của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 219/2025/QH15 của Quốc hội.

- Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành Nghị quyết triển khai Dự án, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho 02 Ban QLDA chủ động triển khai các công tác chuẩn bị như: khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, lập mô hình toán,... để đáp ứng tiến độ triển khai các nội dung theo yêu cầu.

- Sau khi nhận hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được phê duyệt từ Bộ Xây dựng, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Ban QLDA tổ chức kiểm tra, rà soát phương án thiết kế. Trên cơ sở rà soát, Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh đề xuất hướng tuyến điều chỉnh phù hợp để tiết kiệm chi phí, đáp ứng yêu cầu về kinh tế kỹ thuật *(độ dốc dọc trung bình nhỏ hơn, cầu cạn giảm hơn),* cụ thể như sau:

Điều chỉnh cục bộ phương án hướng tuyến đã được phê duyệt *(đoạn từ Km22+000-Km50+000 thuộc địa phận các xã: Bình Phú, Bình Khê, Cửu An và Ya Hội)*, cụ thể như sau: từ Km22+000 tuyến được điều chỉnh dần lên phía Bắc và cách hướng tuyến đã được phê duyệt khoảng 1,5km thuộc địa phận xã Bình Khê, tuyến bám theo sườn núi phía Bắc đến khu vực đèo An Khê (Km34+500) tuyến

[1] Tại các Thông báo số: 147/TB-UBND ngày 09/4/2025 và 01/TB-UBND ngày 01/7/2025.

chuyển hướng bám theo sườn núi xuống phía Nam và cách hướng tuyến đã được phê duyệt khoảng 3,5km để nâng dần độ cao, giảm độ dốc dọc đến Km39+960, tuyến cắt qua khu vực núi cao *(núi Đá Khuyết)* bằng công trình hầm thuộc khu vực xã Ya Hội tại Km42+860 sau đó kết nối về hướng tuyến liền kề tại Km50+000 (trùng với Km49+000 hướng tuyến đã được phê duyệt).

Sau khi Chính phủ thông qua Nghị quyết triển khai Dự án, UBND tỉnh sẽ gửi văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xem xét, thống nhất hướng tuyến để làm cơ sở triển khai trong bước tiếp theo.

4. Về công tác công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư và di dời công trình hạ tầng kỹ thuật

4.1. Quy mô ảnh hưởng

a. Dự án thành phần 01 (Đoạn Km0+000 - Km22+000)

Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi khoảng 233,52ha *(trong đó: đất nông nghiệp khoảng 194,11ha, đất ở khoảng 16,26ha, đất chưa sử dụng khoảng 6,91ha, đất phi nông nghiệp khoảng 6,85ha, đất khác (mặt nước, đường giao thông, ..) khoảng 9,39ha*); dự kiến số hộ bị ảnh hưởng nhà ở cần bố trí tái định cư khoảng 335 hộ, số lượng mồ mả bị ảnh hưởng khoảng 568 mộ.

b. Dự án thành phần 02 (Đoạn Km22+000 – Km90+000)

b.1. Theo phương án đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 219/2025/QH15

Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi khoảng 498,25ha *(trong đó: đất nông nghiệp khoảng 490,61ha, đất ở khoảng 0,595ha, đất khác (mặt nước, đường giao thông, ..) khoảng 7,04ha)*; dự kiến số hộ bị ảnh hưởng nhà ở cần bố trí tái định cư khoảng 26 hộ *(đoạn qua xã Bình Phú 15 hộ, đoạn qua địa bàn xã xã Ya Hội, phường An Bình, xã Đắk Pơ 11 hộ)*.

b.2. Theo phương án kiến nghị điều chỉnh

Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi khoảng 500,25ha *(trong đó: đất nông nghiệp khoảng 490,90ha, đất ở khoảng 0,85ha, đất khác(mặt nước, đường giao thông, ..) khoảng 8,5ha*); dự kiến số hộ bị ảnh hưởng nhà ở cần bố trí tái định cư khoảng 35 hộ *(đoạn qua xã Bình Phú và Bình Khê 24 hộ, đoạn qua địa bàn xã xã Ya Hội, phường An Bình, xã Đắk Pơ 11 hộ)*.

c) Dự án thành phần 03 (Đoạn Km90+000-Km125+000):

Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi khoảng 295,89ha *(trong đó: đất nông nghiệp khoảng 271,98ha, đất ở khoảng 8,39ha, đất khác khoảng 15,33ha)*; dự kiến số hộ bị ảnh hưởng nhà ở cần bố trí tái định cư khoảng 179 hộ *(đoạn qua xã Mang Yang dự kiến có 22 hộ, đoạn qua xã KDang dự kiến có 15 hộ, đoạn qua xã Đak Đoa dự kiến có 26 hộ, đoạn qua xã Ia Băng dự kiến có 80 hộ, đoạn qua phường Hội Phú dự kiến có khoảng 36 hộ)*.

4.2. Tình hình triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Công tác xây dựng và GPMB các khu tái định cư

*** Khu tái định cư phục vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn Km0+000 – Km22+000 và Km22+000 đến Km40+000** (*đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Định cũ*)

- Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của Dự án đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Định cũ (từ Km0 – Km40), có khoảng **359 hộ** gia đình, cá nhân trong phạm vi ảnh hưởng thu hồi đất cần phải di dời và bố đất trí tái định cư. Ngày 12/6/2025, Thường trực Tỉnh ủy đã có Văn bản số 2042-TB/TU, theo đó, đã đồng ý chủ trương triển khai xây dựng **08** khu tái định cư *(trong đó: **01** Khu tái định cư tại Khu tái định cư khu vực Vĩnh Phú; **07** Khu tái định cư đầu tư xây dựng mới[2])*. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dựng tỉnh triển khai hoàn thiện các thủ tục đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các khu tái định cư Dự án.

- Riêng Khu tái định cư tại thôn Hòa Trung *(xã Bình Phú)*, có vị trí dự kiến bố trí khu tái định cư có phần lớn diện tích nằm trong hành lang thoát lũ không phù hợp với việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bố trí tái định cư. Sau khi tổ chức họp lấy ý kiến các hộ dân bị ảnh hưởng, đã đạt được đồng tình, thống nhất cao thay đổi vị trí khu tái định cư sang vị trí khu đất tại thôn Hòa Sơn, xã Bình Phú *(tiếp giáp với Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong, tại thôn Hòa Sơn (cách vị trí cũ gần 02km))*, với diện tích đầu tư xây dựng 4,5ha. UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh khẩn trương triển khai các bước tiếp theo.

- Theo phương án điều chỉnh hướng tuyến cục bộ đoạn từ Km22+000 – Km50+000, có phát sinh khoảng 09 hộ dân bị ảnh hưởng phải di dời nhà ở tại xã Bình Khê (địa bàn Tây Giang cũ). Sau khi họp bàn, các hộ dân đồng thuận di dời về khu tái định cư tại thôn Thượng Giang 1, xã Bình Khê, với diện tích đầu tư xây dựng 2,0ha. UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh khẩn trương triển khai các bước tiếp theo.

*** Khu tái định cư phục vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư *(đoạn Km40+000 đến Km90+000)***

- Đoạn qua xã Ya Hội, phường An Bình, xã Đắk Pơ, có khoảng **11 hộ** gia đình, cá nhân trong phạm vi ảnh hưởng thu hồi đất cần phải di dời và bố đất trí tái định cư *(xã Ya Hội và phường An Bình có 06 hộ nằm rãi rác trên tuyến, xã Đắk Pơ có 05 hộ tập trung quanh đoạn Km61)*. Các tổ chức, các hộ dân *(người Bana)* bị ảnh hưởng là sẽ được bố trí quỹ đất tại địa phương, nơi ở mới xen ghép với cụm dân cư trong làng.

*** Khu tái định cư phục vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư *(đoạn Km90+000 đến Km125+000)***

- Khu dân cư trung tâm xã Mang Yang, diện tích 36,38ha (định hướng dân số dự kiến trong khu quy hoạch khoảng 2.800 người; Tổng số lô đất quy hoạch: 569 lô; Tổng diện tích đất ở quy hoạch là 13,39ha). Đã đầu tư xây dựng 4,5ha để bố trí tái định cư cho các dự án huyện Mang Yang cũ: 200/569 lô; diện tích còn lại 8,89ha dùng để bố trí tái định cư cho Dự án chưa được đầu tư xây dựng.

- Khu dân cư Tu Hlong, thôn Dur, xã Đăk Đoa, diện tích 9,43ha: Hiện là đất trống, chưa được GPMB; đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.

---

[2] Tại: thôn Thuận Đức, phường An Nhơn; thôn Trà Sơn, xã Bình Hiệp; thôn Thuận Hòa, xã Bình Hiệp; thôn Trường Định 2, xã Bình An; thôn Kiên Long, xã Bình An; Phú Lạc, xã Bình An; thôn Hòa Trung, xã Bình Phú.

- Khu quy hoạch đất ở nông thôn thuộc thôn 5, xã Ia Băng, diện tích khoảng 1,0ha. Hiện chưa GPMB; đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết quy hoạch 1/500 (hiện tại đất thuộc Công ty TNHH MTV cao su Mang Yang)

- Khu quy hoạch đất ở nông thôn thuộc dọc trục đường liên xã thôn 5, xã Ia Băng, diện tích khoảng 2,0ha, nằm trong quy hoạch chung xây dựng xã; chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 (hiện tại đất thuộc Công ty TNHH MTV cao su Mang Yang).

- Khu đất ở dân cư tại thôn Djriông, xã Ia Băng, diện tích khoảng 2,0ha; Đã có quy hoạch chung xã cũ, đang lập quy hoạch chung xã mới (hiện tại đất thuộc công ty TNHH MTV cao su Mang Yang).

- Khu đất trên đường Nguyễn Bỉnh có sẵn 43 lô và đường Quy hoạch D5, D6 thuộc phường Hội Phú có sẵn 29 lô; hiện đã đầu tư xây dựng đường giao thông, hệ thống thoát nước, điện (chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt).

b) Đối với các khu cải táng: Việc di dời mồ mả sẽ được cải táng vào các nghĩa trang hiện hữu tại địa phương *(Theo đề xuất của UBND huyện Tây Sơn trước đây tại Văn bản số 762/UBND-KT ngày 22/4/2025 và UBND thị xã An Nhơn trước đây tại Văn bản số 738/UBND ngày 29/4/2025).*

c) Triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với tuyến chính:

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Ban QLDA tổ chức lập hồ sơ cắm cọc GPMB, bàn giao số liệu, tập tin có định dạng kmz (file kmz) phạm vi cần GPMB cho các địa phương; Rà soát sơ bộ hiện trạng, thống kê diện tích các loại đất cần thu hồi; thỏa thuận với địa phương thống nhất các công trình phụ trợ *(công trình dân sinh: hầm chui, đường gom, cầu vượt ngang; thoát nước, mương dẫn dòng về cửa xả; vị trí mỏ vật liệu, bãi đổ thải)*. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo các Ban QLDA và Trung tâm PTQĐ tỉnh phối hợp, bố trí nhân sự hỗ trợ với các địa phương thành lập Hội đồng, Tổ công tác thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; đồng thời, triển khai cắm cọc GPMB ngoài thực địa để bàn giao cho các địa phương, dự kiến cơ bản hoàn thành trong tháng 8/2025; thực hiện di dời công trình hạ tầng kỹ thuật *(trừ công trình điện trên 110kV giao cho Tập đoàn điện lực Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện)*.

5. Công tác chuẩn bị vật liệu xây dựng phục vụ dự án

5.1. Nhu cầu vật liệu xây dựng: Qua tổng hợp số liệu hồ sơ Báo cáo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, nhu cầu vật liệu cho toàn dự án gồm: **20,52 triệu m^3 đất đắp; 3,72 triệu m^3 cát và 3,32 triệu m^3 đá**.Trong đó:

- Dự án thành phần 1 (đoạn Km0+000 – Km22+000) cần khoảng: 5,40 triệu m^3 đất đắp; 1,70 triệu m^3 cát và 0,68 triệu m^3 đá (đá dùng cho BTN 0,18 triệu m^3).

- Dự án thành phần 2 (đoạn từ Km22+000 – Km90+000) cần khoảng: 10,50m^3 đất đắp; 0,50 triệu m^3 cát và 1,40 triệu m^3 đá (đá dùng cho BTN 0,55 triệu m^3).

- Dự án thành phần 3 (đoạn từ Km90+000 – Km125+000) cần khoảng: 4,62 triệu m^3 đất đắp; 0,62 triệu m^3 cát và 1,24 triệu m^3 đá (đá dùng cho BTN 0,28 triệu m^3).

5.2. Công tác chuẩn bị vật liệu xây dựng

Trên cơ sở khảo sát, đề xuất các mỏ vật liệu (đất, cát, đá), về cơ bản các mỏ đảm bảo về trữ lượng và chất lượng để phục vụ thi công Dự án, cụ thể như sau:

a) Vật liệu đất đắp:

- Dự án thành phần 01: (đoạn từ Km0+000 – Km22+000)

Khảo sát thực tế tại **04 điểm mỏ đất** với tổng trữ lượng dự báo khoảng **5,78 triệu m^3**, đáp ứng nhu cầu cho dự án **(5,4 triệu m^3)**, bao gồm:

- Mỏ đất số hiệu 147 xã Bình An gồm 02 điểm mỏ, diện tích khoảng 45,5ha, trữ lượng khoảng 3,87 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh.

- Mỏ đất xã Bình Khê gồm 02 điểm mỏ, diện tích khoảng 22,5ha, trữ lượng khoảng 1,91triệu m^3, mỏ đất chưa có trong quy hoạch của tỉnh.

- Dự án thành phần 02: (đoạn từ Km22+000 – Km90+000)

Khảo sát thực tế tại **07 điểm** mỏ đất với tổng trữ lượng dự báo khoảng **10,86 triệu m^3,** đáp ứng nhu cầu cho dự án **(10,5 triệu m^3)** gồm:

- Mỏ đất Đsl 149 + mở rộng xã Ya Hội diện tích khoảng 32,0ha, trữ lượng khoảng 2,24 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh và mở rộng thêm.

- Mỏ đất xã Ya Hội diện tích khoảng 15,0ha, trữ lượng khoảng 0,90 triệu m^3, mỏ đất chưa có trong quy hoạch của tỉnh.

- Mỏ đất xã Ya Hội diện tích khoảng 12,0ha, trữ lượng khoảng 0,84 triệu m^3, mỏ đất chưa có trong quy hoạch của tỉnh.

- Mỏ đất Đsl 33 + mở rộng xã Đak Pơ diện tích khoảng 53,0ha, trữ lượng khoảng 3,18 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh và mở rộng thêm.

- Mỏ đất Đsl 109 + mở rộng xã Hra diện tích khoảng 30,0ha, trữ lượng khoảng 2,10 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh + mở rộng thêm.

- Mỏ đất Đsl 133 + mở rộng xã Hra, diện tích khoảng 10,0ha, trữ lượng khoảng 0,70 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh + mở rộng thêm.

- Mỏ đất xã Đak Pơ diện tích khoảng 15,0ha, trữ lượng khoảng 0,90 triệu m^3, mỏ đất chưa có trong quy hoạch của tỉnh.

- Dự án thành phần 03: (đoạn từ Km90+000 – Km125+000)

Khảo sát thực tế tại 05 điểm mỏ đất với tổng trữ lượng dự báo khoảng **7,24 triệu m^3**, đáp ứng nhu cầu cho dự án **(4,62 triệu m^3)**, gồm:

- Mỏ đất Đsl 108 + mở rộng xã Mang Yang diện tích khoảng 15,0ha, trữ lượng khoảng 1,05 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh + mở rộng thêm.

- Mỏ đất Đsl 127 + mở rộng xã Lơ Pang diện tích khoảng 35,0ha, trữ lượng khoảng 1,75 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh + mở rộng thêm.

- Mỏ đất xã Gào diện tích khoảng 32,0ha, trữ lượng khoảng 2,24 triệu m^3, mỏ đất chưa có trong quy hoạch của tỉnh.

- Mỏ đất Đsl 92 xã Biển Hồ diện tích khoảng 20,7ha, trữ lượng khoảng 1,45 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh.

- Mỏ đất Đsl 100 xã Biển Hồ diện tích khoảng 10,8ha, trữ lượng khoảng 0,76 triệu m^3, mỏ đất đã có trong quy hoạch của tỉnh.

b) Vật liệu cát xây dựng:

- Dự án thành phần 01: (đoạn từ Km0+00 – Km22+00)

Khảo sát thực tế tại **04 điểm mỏ** với tổng trữ lượng dự báo khoảng **1,26 triệu m^3** đồng thời nạo vét đập dâng Văn Phong, đập dâng Phú Phong trữ lượng khoảng **1,50 triệu m^3**, đáp ứng nhu cầu cho dự án (**1,70 triệu m^3**), cụ thể gồm:

- Điểm số 01: xã Bình An và xã Tây Sơn diện tích khoảng 26ha, trữ lượng khoảng 0,65 triệu m^3, mỏ này thuộc điểm quy hoạch 164.

- Điểm số 02: xã Bình Khê gồm 02 vị trí, diện tích khoảng 12,4ha, trữ lượng khoảng 0,31 triệu m^3, mỏ này thuộc điểm quy hoạch 126A.

- Điểm số 03: xã Vĩnh Quang và xã Bình Khê diện tích khoảng 12,2ha, trữ lượng khoảng 0,31 triệu m^3, mỏ này thuộc điểm quy hoạch 126A.

- Nạo vét đập dâng Văn Phong, đập dâng Phú Phong diện tích khoảng (100 – 200)ha, trữ lượng khoảng 1,50 triệu m^3.

- Dự án thành phần 02: (đoạn từ Km22+00 – Km90+00)

Lấy tại **03 điểm mỏ** (Cxd49, Cxd50, Cxd51) tại xã Ia Tul với tổng diện tích 57,51ha, với tổng trữ lượng khoảng **1,725 triệu m^3**, đáp ứng nhu cầu cho dự án (**0,5 triệu m^3**).

- Dự án thành phần 03: (đoạn từ Km90+000 – Km125+000)

Lấy tại 02 điểm mỏ cát Cxd50, Cxd51 thuộc xã Ia Tul và xã Ia Sao và các điểm mỏ cát đã được cấp phép với tổng trữ lượng khoảng hơn **1,158 triệu m^3**, đáp ứng nhu cầu cho dự án **(0,62 triệu m3)**.

- Mỏ cát Cxd50 thuộc xã Ia Tul và xã Ia Sao, diện tích khoảng 19,03ha, trữ lượng khoảng 0,575 triệu m^3.

- Mỏ cát Cxd51 thuộc xã Ia Tul và xã Ia Sao, diện tích khoảng 19,48ha, trữ lượng khoảng 0,583 triệu m^3.

c) Vật liệu đá xây dựng:

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành chức năng rà soát kỹ lưỡng toàn bộ các mỏ đá đã được cấp phép trên địa bàn. Kết quả cho thấy nguồn đá cơ bản đáp ứng yêu cầu về chất lượng, trữ lượng và cự ly vận chuyển. Đồng thời, các mỏ đá lân cận khác cũng đang được rà soát, tổng hợp để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung vào danh mục phục vụ Dự án. UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo sát sao, bảo đảm việc cung ứng vật liệu đá diễn ra thuận lợi, đầy đủ, đáp ứng tiến độ thi công và yêu cầu kỹ thuật của Dự án. Đối với đá sử dụng cho Bê tông nhựa, qua rà kiểm tra rà soát các mỏ đá đảm bảo yêu cầu kỹ thuật gồm:

- Dự án thành phần 01: nhu cầu cần khoảng 0,68 triệu m^3 đá (đá cho BTN 0,18 triệu m^3), các mỏ đá đủ điều kiện sử dụng cho BTN C19, BTN C16 gồm các mỏ sau: mỏ HTX Sản xuất và khai thác đá Xây dựng Bình Đê, đèo Bình Đê tại phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai (trữ lượng khoảng 1,40 triệu m^3); mỏ Công ty TNHH ĐT và XD Trường Thịnh, đèo Bình Đê tại phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai (trữ lượng khoảng 1,00 triệu m^3), mỏ Công ty cổ phần sửa chữa đường bộ Bình Định tại Bình Đê thuộc phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi (trữ lượng khoảng 0,15 triệu m^3). Ngoài ra, sử dụng một số mỏ tại phường An Nhơn Nam đã được Sở Xây dựng kiểm tra đánh

giá đủ điệu kiện để sử dụng BTN C19 và cho CPĐD. Như vậy nguồn vật liệu đá cho dự án thành phần 01 đảm bảo.

- Dự án thành phần 02 và 03: nhu cầu dự án thành phần 02 cần khoảng 1,40 triệu m^3 đá (đá dùng cho BTN 0,55 triệu m^3), nhu cầu dự án thành phần 03 cần khoảng 1,24 triệu m^3 đá (đá dùng cho BTN 0,28 triệu m^3). Theo danh sách 18 điểm mỏ Sở Xây dựng cung cấp có 03 mỏ thương mại là Mỏ Hnol tại Xã KDang với trữ lượng 0,211 triệu m^3; mỏ An Thành tại xã Đăk Pơ trữ lượng 1,93 triệu m^3; mỏ Thăng Long tại Pleiku trữ lượng 0,30 triệu m^3. Trong 03 mỏ nói trên chỉ có 02 mỏ là Hnol và Thăng Long có độ dính bám đạt cấp III, tỷ trọng khối từ 2,7 - 2,8 (lớn hơn 2,6 đảm bảo cho BTN lớp trên C16). Ngoài ra có mỏ Trang Đức tại xã Hra (Km120 QL19) mới được gia hạn giấy phép với trữ lượng 0,24 triệu m^3 đảm bảo các chỉ tiêu và 01 cụm mỏ (gồm 04 điểm mỏ ở Kong Chro diện tích quy hoạch 17ha đã được cấp phép 2,1ha với trữ lượng khoảng 0,50 triệu m3 với chất lượng dính bám đạt cấp III, tỷ trọng khối lớn hơn 2,6 đảm bảo cho BTN, hiện tại đã lấy mẫu để thí nghiệm kiểm chứng. Ngoài ra, còn có một số mỏ có trong QHKS nhưng chưa cấp phép khai thác (như mỏ Đxd 75 tại xã Lơ Pang, diện tích 10ha, trữ lượng 2,56 triệu m^3; Mỏ đá Chư Á tại phường An Phú, diện tích 16,96ha, trữ lượng 1,69 triệu m^3) có thể sử dụng cho Dự án.

Ngoài ra, vật liệu đá trong quá trình thi công nền đường đào đá và hầm, sẽ tiến hành thí nghiệm đánh giá chất lượng để tận dụng, bổ sung vào nguồn vật liệu đá sử dụng cho dự án. Bên cạnh đó, mỏ đá tại xã Phù Mỹ Nam do Tập đoàn Sơn Hải đang khai thác sử dụng cho dự án cao tốc Bắc – Nam đảm bảo chất lượng BTN lớp dưới và lớp trên, dự kiến đến tháng 12/2025 hết hạn giấy phép sẽ tiến hành thu hồi để phục vụ cho dự án. Như vậy nguồn vật liệu đá cho dự án thành phần 02 và 03 đảm bảo.

6. Về kế hoạch tiến độ thực hiện *(xin chủ trương cho phép giao nhiệm vụ Chủ đầu tư bắt đầu từ **ngày 01/7/2025** để đảm bảo thời gian hoàn thiện các bước hồ sơ thủ tục đáp ứng yêu cầu khởi công trong **tháng 10/2025**):*

- Đối với DATP 01:

+ Hoàn thành công tác lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo NCKT ĐTXD ngày 30/8/2025.

+ Hoàn thành công tác lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán ngày 29/9/2025.

+ Phấn đấu khởi công xây dựng ngày 15/10/2025.

(Tiến độ chi tiết tại Phụ lục III).

- Đối với DATP 02:

+ Hoàn thành công tác lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo NCKT ĐTXD ngày 14/10/2025.

+ Hoàn thành công tác lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật-Dự toán ngày 03/12/2025.

+ Phấn đấu khởi công xây dựng ngày 27/12/2025.

(Tiến độ chi tiết tại Phụ lục IV).

- Đối với DATP 03:

+ Hoàn thành công tác lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo NCKT ĐTXD ngày 30/8/2025.

+ Hoàn thành công tác lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật-Dự toán ngày 06/10/2025.

+ Phấn đấu khởi công xây dựng ngày 20/10/2025.

(Tiến độ chi tiết tại Phụ lục V)

7. Vị trí dự kiến khởi công: UBND tỉnh đã tổ chức khảo sát thực địa, dự kiến vị trí khởi công tại Km01+850, khu vực Thuận Đức, phường An Nhơn với diện tích khoảng 4.500m^2. Khu vực này chỉ có rừng cây bạch đàn, hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh tổ chức đo đạc, kiểm đếm xong, chuẩn bị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về tiến độ khởi công xây dựng:

- Tham khảo tiến độ triển khai từ khi phê duyệt chủ trương đầu tư (đồng thời Chủ đầu tư được giao nhiệm vụ) đến khi khởi công xây dựng của các dự án quan trọng quốc gia có cơ chế đặc thù tương tự dự án này như cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 khoảng **từ 9 tháng đến 12 tháng**. Tùy vào điều kiện cụ thể từng dự án, nếu gặp điều kiện thuận lợi, các chủ thể liên quan đến dự án quyết tâm, đồng lòng, có thể rút ngắn thời gian khởi công còn **từ tối thiểu 3,5 tháng đến 6 tháng** *(thời gian tối thiểu 3,5 tháng để thực hiện các thủ tục pháp lý như lựa chọn nhà thầu, lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo nghiên cứu khả thi: **60 ngày (trong đó công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi tối thiểu 30 ngày)**; lựa chọn nhà thầu, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật: triển khai song song với bước báo cáo nghiên cứu khả thi, hoàn thành sau khi phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi **30 ngày**; lựa chọn nhà thầu xây lắp: **15 ngày**).*

Dự án đã được Quốc hội phê duyệt Chủ trương đầu tư; đồng thời, Chính phủ đã có Văn bản số 611/TTg-CN ngày 28/5/2025 và Thông báo số 354/TB-VPCP ngày 08/7/2025, trong đó giao UBND tỉnh Gia Lai làm cơ quan chủ quản Dự án. Tuy nhiên, Chính phủ chưa ban hành Nghị quyết để làm cơ sở triển khai thực hiện, làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ khởi công xây dựng dự án trong tháng 10/2025 để chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I.

2. Dự án đã được phê duyệt Chủ trương đầu tư, tuy nhiên, đến nay chỉ mới được bố trí kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2025 cho Bộ Xây dựng[3], chưa được bố trí kế hoạch vốn trung hạn nên chưa đảm bảo điều kiện lựa chọn nhà thầu xây lắp để khởi công công trình.

3. Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Sau sáp nhập, tỉnh Gia Lai có 02 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) thực hiện theo Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh; trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ) thực hiện theo Quyết

[3] Theo Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 19/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ (100 tỷ đồng).

định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh. Việc rà soát, nghiên cứu để đưa ra một quy định thống nhất áp dụng cho toàn tỉnh còn kéo dài.

4. Về vật liệu xây dựng:

- Hiện nay, nguồn vật liệu cát tại các mỏ quy hoạch phục vụ dự án thành phần 01 vẫn còn thiếu so với nhu cầu khoảng 500 nghìn m^3, do đó cần phải triển khai phương án nạo vét đập dâng Văn Phong, đập dâng Phú Phong trữ lượng khoảng 1,5 triệu m^3 thì mới đảm bảo nhu cầu cho dự án. Việc lập thủ tục dự án nạo vét tiến độ còn kéo dài, UBND tỉnh đang giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thủ tục để rút ngắn tiến độ.

- Đối với nguồn vật liệu đá: Hiện tại trữ lượng khai thác theo giấy phép của các mỏ đá thương mại còn lại rất nhiều, tuy nhiên công suất khai thác thấp (khoảng 20.000-100.000m^3/năm) cung cấp cho nhiều dự án trên địa bàn tỉnh nên việc cung ứng cho các dự án lớn có khả năng sẽ bị thiếu hụt nhất là các mỏ có chất lượng đảm bảo, ngoài ra dây chuyền sản xuất đá của một số mỏ còn nhỏ lẻ nhất là các mỏ đá trên địa bàn các xã: Mang Yang, Đak Đoa, Đak Pơ.

5. Các khó khăn trong công tác triển khai khảo sát địa hình địa chất, lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án:

- Công tác khảo sát địa hình, địa chất tại các khu vực gần sân bay và đất quốc phòng gặp khó khăn do phải xin phép, phối hợp với Cảng hàng không và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh để giám sát.

- Khảo sát địa chất tại các đoạn hầm yêu cầu nổ rung chấn, phải có hợp đồng với tư vấn để đủ điều kiện để Sở Công Thương cấp phép và phối hợp với Công an địa phương kiểm tra, giám sát. Mỗi ngày chỉ thực hiện được 260m trong khi chiều dài hầm gần 6.000m nên mất nhiều thời gian để hoàn thành; Thiết kế cơ sở sau khi lập sơ bộ phải thỏa thuận với địa phương về cầu, cống, hầm chui, đường dân sinh, sau đó cập nhật lại mô hình tính toán ngập úng, mất nhiều thời gian. Việc thỏa thuận đấu nối với Quốc lộ, cao tốc, đường sắt tốc độ cao phải qua nhiều Bộ, ngành để có ý kiến chính thức mất nhiều thời gian.

- Hồ sơ đánh giá tác động môi trường tuy do tỉnh thẩm định nhưng vẫn phải tuân thủ các mốc thời gian cứng theo quy định: thời gian lấy mẫu hiện trường, tổ chức tham vấn cộng đồng và đăng tải thông tin công khai trên website của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Hiện nay, sau khi tổ chức chính quyền 02 cấp trên địa bàn tỉnh, tại một số địa phương (đặc biệt là các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai cũ), còn thiếu cán bộ có chuyên môn về địa chính, xây dựng nên việc triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn gặp nhiều khó khăn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku là dự án quan trọng Quốc gia, được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai quyết liệt với tiến độ rất khẩn trương. Được sự đồng ý của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã đăng ký vào danh mục các dự án thuộc Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải. Do vậy, để đáp ứng tiến độ theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo chỉ đạo toàn bộ hệ thống chính trị

của tỉnh vào cuộc nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ Dự án, đặc biệt là đẩy nhanh công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo quyết liệt việc triển khai các công tác chuẩn bị để kịp thời triển khai thực hiện Dự án, khởi công dự án thành phần 01 trong tháng 10/2025; khởi công dự án thành phần 02 trong tháng 12/2025; khởi công dự án thành phần 03 trong tháng 11/2025. Tuy nhiên, Chính phủ dự kiến sẽ ban hành Nghị quyết trong tháng 8/2025, làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện Dự án. Vì vậy, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo cho phép UBND tỉnh tổ chức triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng Dự án ngay sau khi Quốc hội phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng. Đồng thời, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo cho phép giao nhiệm vụ Chủ đầu tư cho các dự án thành phần *(Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh làm Chủ đầu tư dự án thành phần 01 và 02; Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm Chủ đầu tư dự án thành phần 03)* để triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng đảm bảo tiến độ đề ra.

3. Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo kịp thời cho chủ trương, định hướng, giải pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai Dự án, đặc biệt trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Đối với đoạn tuyến qua đèo An Khê có địa hình hiểm trở từ Km22+000-Km49+000 (dài 27km), việc đề xuất điều chỉnh hướng tuyến làm tăng chiều dài khoảng 1,0km, tăng khối lượng GPMB khoảng 10ha; tuy nhiên, có nhiều ưu điểm như: số lượng xây dựng hầm (còn 01 hầm so với 02 hầm), giảm chiều dài xây dựng cầu có kết cấu đặc biệt (còn 552m so với 2.148m), có độ dốc dọc trung bình nhỏ hơn và chi phí xây dựng giảm khoảng 1.084 tỷ đồng. Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo xem xét, chấp thuận việc điều chỉnh hướng tuyến để UBND tỉnh có cơ sở để báo cáo các Bộ ngành Trung ương điều chỉnh hướng tuyến.

5. Để đẩy nhanh tiến độ trong công tác thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm đáp ứng tiến độ Dự án, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo cho phép thực hiện công tác thẩm định song song với công tác lập hồ sơ để đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

6. Để đảm bảo điều kiện tổ chức lựa chọn nhà thầu, khởi công dự án trong năm 2025, kính đề nghị Ban chỉ đạo cho chủ trương bố trí bổ sung kế hoạch vốn Trung hạn và kế hoạch vốn năm 2025 cho Dự án.

7. Để có cơ sở triển khai, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo thống nhất vị trí tổ chức Lễ khởi công Dự án tại Km01+850 (với diện tích khoảng 4.500m^2) thuộc khu vực Thuận Đức, phường An Nhơn.

8. Đối với việc đầu tư xây dựng 07 khu tái định cư *(cho dự án thành phần 01 và 02)*, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 2042-TB/TU ngày 12/6/2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng. UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo thống nhất chủ trương cho bổ sung đầu tư xây dựng 06 khu tái định cư, cụ thể: 01 khu tái định cư điều chỉnh *(từ khu tái định cư tại thôn Hòa Trung, xã Bình Phú thành khu tái định cư tại thôn Hòa Sơn, xã Bình Phú)* thuộc dự

án thành phần 01; 01 khu tái định cư tại xã Bình Khê thuộc dự án thành phần 02 và 04 khu tái định cư *(01 khu tại xã Đak Đoa, 03 khu tại xã Ia Băng)* thuộc dự án thành phần 03 để có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo.

9. Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo chấp thuận chủ trương cho phép xây dựng quy định mới về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, để thống nhất áp dụng cho tất cả các dự án trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, kính đề nghị Ban Chỉ đạo xem xét, cho tạm ứng nguồn vốn địa phương như đã cam kết để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án.

10. Để đảm bảo trữ lượng vật liệu (đất, đá, cát) đáp ứng nhu cầu của Dự án, kính đề nghị Ban Chỉ đạo cho phép bổ sung các mỏ vật liệu để cung cấp cho Dự án và cho phép tăng công suất khai thác của các mỏ đá đã được cấp phép thương mại và giao các mỏ mới cho nhà thầu thi công (theo cơ chế đặc thù của Dự án).

11. Để hỗ trợ, nâng cao năng lực của các địa phương (đặc biệt là các xã, phường trên địa bàn Gia Lai cũ) nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND tỉnh kính đề nghị Ban Chỉ đạo cho phép các đơn vị cấp tỉnh bố trí cán bộ hỗ trợ các địa phương *(Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh bố trí nhân sự hỗ trợ các địa phương thuộc dự án thành phần 02, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bố trí nhân sự hỗ trợ các địa phương thuộc dự án thành phần 03).*

V. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN ĐẾN

Để đảm bảo chất lượng, tiến độ của Dự án, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, các Ban QLDA, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và các địa phương thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian đến, cụ thể như sau:

1. Khẩn trương hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ báo cáo UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng tiếp theo.

2. Đôn đốc Bộ Xây dựng khẩn trương có ý kiến đối với việc thỏa thuận đấu nối Nút giao liên thông tại Km6+434 thuộc Dự án với Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn – Quy Nhơn, thuộc tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông làm cơ sở hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án.

3. Cử cán bộ tham gia Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo kịp thời cho chủ trương, định hướng, giải pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai Dự án, đặc biệt trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

4. Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục làm cơ sở báo cáo Thường trực Tỉnh ủy chấp thuận chủ trương bổ sung đầu tư xây dựng đối với 06 khu tái định cư, cụ thể: 01 khu tái định cư điều chỉnh *(từ khu tái định cư tại thôn Hòa Trung, xã Bình Phú thành khu tái định cư tại thôn Hòa Sơn, xã Bình Phú)* thuộc dự án thành phần 01; 01 khu tái định cư tại xã Bình Khê thuộc dự án thành phần 02 và 04 khu tái định cư *(01 khu tại xã Đak Đoa, 03 khu tại xã Ia Băng)* thuộc dự án thành phần 03 để có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương xây dựng quy định thống nhất về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng trên toàn tỉnh *(thay thế sự khác biệt giữa Quyết định số 66/QĐ-UBND và số 56/QĐ-UBND hiện nay)*. Đẩy nhanh thủ tục nạo vét đập dâng Văn Phong, đập dâng Phú Phong để bổ sung nguồn cát cho Dự án.

6. Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính và các địa phương có liên quan tích cực phối hợp với các Ban QLDA tổ chức thẩm định, góp ý hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo đánh giá tác động môi trường song song với việc lập hồ sơ để đẩy nhanh tiến độ Dự án.

7. Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường rà soát, kiến nghị nâng công suất các mỏ đá, yêu cầu các chủ mỏ nâng cấp dây chuyền sản xuất; đồng thời, đánh giá tận dụng nguồn vật liệu phát sinh từ hầm, nền đường để giảm áp lực cung ứng.

8. Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bố trí nhân sự hỗ trợ các địa phương thiếu nhân lực về địa chính, xây dựng để đẩy nhanh công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các thủ tục liên quan.

9. Các Ban QLDA khẩn trương tổ chức khảo sát, hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình thẩm định, phê duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ Dự án.

10. Các Ban QLDA khẩn trương tổ chức cắm cọc GPMB để sớm bàn giao cho các địa phương thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

11. Các địa phương khẩn trương thành lập hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tích cực phối hợp với các Ban QLDA, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để đáp ứng tiến độ của Dự án.

12. Triển khai ngay công tác bồi thường, hỗ trợ để chuẩn bị mặt bằng và hạ tầng khu vực khởi công (tại Km01+850) để sẵn sàng tổ chức Lễ khởi công ngay sau khi được Ban Chỉ đạo chấp thuận chủ trương.

UBND tỉnh kính báo cáo Ban chỉ đạo các công trình trọng điểm quốc gia tỉnh Gia Lai (Dự án đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, Đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đoạn qua tỉnh)./.

Nơi nhận:
- Đ/c Bí Thư Tỉnh ủy - Trưởng BCĐ;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Các Sở: XD, NN&MT, TC, CT;
- TT Phát triển quỹ đất tỉnh;
- Ban QLDA các CT Giao thông và DD tỉnh;
- Ban Quản lý các dự án ĐTXD tỉnh;
- Lưu: VT, X2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng